

Số: 326/TYD-HCTH  
V/v yêu cầu báo giá

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 4 năm 2025

Kính gửi: Quý Công ty.

Chúng tôi đang có kế hoạch triển khai thực hiện hạng mục: Mua công cụ, dụng cụ, hóa chất và vật tư tiêu hao, tiêu bản, phụ kiện.... phục vụ công tác giảng dạy thực hành, thí nghiệm năm học 2025 – 2026, với các nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trường Y Dược – Đại học Đà Nẵng, địa chỉ Khu đô thị Đại học Đà Nẵng, P. Hòa Quý, Q. Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng.
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Đỗ Tấn Phúc, số điện thoại: 0963.439.784.
3. Cách tiếp nhận báo giá:
  - Nhận trực tiếp hoặc theo bưu điện tại địa chỉ: Phòng Hành chính – Tổng hợp, Trường Y Dược, ĐHĐN địa chỉ Khu đô thị Đại học Đà Nẵng, P. Hòa Quý, Q. Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng.
  - Địa chỉ email nhận file mềm và bản scan: [hcth@smp.udn.vn](mailto:hcth@smp.udn.vn)
4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: trước 17 giờ 00 phút ngày 24/4/2025. Các báo giá nhận sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

1. Danh mục cung cấp: Mô tả chi tiết như các Phụ lục kèm theo.
2. Địa điểm cung cấp: Trường Y Dược, ĐHĐN, Khu đô thị Đại học Đà Nẵng, P. Hòa Quý, Q. Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng.
3. Thời gian triển khai: 60 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
  - Tạm ứng: Không
  - Hồ sơ thanh toán: Theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.
5. Các yêu cầu khác:
  - Báo giá theo phụ lục đính kèm, giá đã bao gồm thuế VAT, phí vận chuyển, các chi phí khác (nếu có).

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Đăng website Trường;
- Lưu: VT, HCTH.

**TL. HIỆU TRƯỞNG  
KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÒNG HÀNH CHÍNH TỔNG HỢP  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**Đỗ Tấn Phúc**



**PHỤ LỤC MẪU BÁO GIÁ**  
(Kèm theo Yêu cầu Báo giá số 326/TYD-HCTH ngày 11/4/2025 của Trường Y Dược, Đại học Đà Nẵng)

**BÁO GIÁ**

Kính gửi: Đại học Đà Nẵng, Trường Y Dược  
Trên cơ sở yêu cầu báo giá số /TYD-HCTH ngày / 2025 của trường Y Dược, ĐHDN, chúng tôi .....báo giá các danh mục như sau

1. Báo giá danh mục dụng cụ, vật tư, hóa chất, tiêu bản

| TT | Tên hàng hóa                | Quy cách, xuất xứ                                  | Hãng sản xuất hoặc tương đương | Code/ Cas  | Xuất xứ    | Số lượng | ĐVT         | Đơn giá (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|----|-----------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------|------------|------------|----------|-------------|---------------|------------------|
| TT | Tên hàng hóa                | Quy cách, xuất xứ                                  | Hãng/tương đương               | Code/ Cas  | Xuất xứ    | Số lượng | Đơn vị tính |               |                  |
| 1  | Ag/AgCl reference electrode | Metrohm                                            | Metrohm                        | 6.0733.100 | Thụy Sĩ    | 1        | Cái         |               |                  |
| 2  | Bảng kính gắn tường         | KT 190x110cm, Việt Nam                             | Việt Nam                       |            | Việt Nam   | 3        | Cái         |               |                  |
| 3  | Bảng trắng di động          | KT 120x100cm, Việt Nam                             | Việt Nam                       |            | Việt Nam   | 1        | Cái         |               |                  |
| 4  | Bát canh (tô) sứ            | 23cm, Việt Nam                                     | Minh Long                      |            | Việt Nam   | 6        | Cái         |               |                  |
| 5  | Bát nước mắt sứ             | 9cm, Việt Nam                                      | Minh Long                      |            | Việt Nam   | 6        | Cái         |               |                  |
| 6  | Bình cầu 100ml              | Bình cầu đáy tròn, không nhám 100ml, Trung Quốc    | Onelab                         |            | Trung Quốc | 5        | Cái         |               |                  |
| 7  | Bình cầu 50ml               | Bình cầu đáy tròn, không nhám 50ml, Biohall, Ấn độ | Biohall                        |            | Ấn Độ      | 5        | Cái         |               |                  |
| 8  | Bình cầu đáy bằng 250 ml    | Không nhám, Trung Quốc                             | Onelab                         |            | Trung Quốc | 5        | Cái         |               |                  |
| 9  | Bình định mức 10 ml         | Isolab, Đức                                        | Isolab                         |            | Đức        | 25       | Cái         |               |                  |
| 10 | Bình định mức 25 ml         | Isolab, Đức                                        | Isolab                         |            | Đức        | 25       | Cái         |               |                  |

|    |                                                    |                                                                        |             |                     |            |    |      |  |  |
|----|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------|------------|----|------|--|--|
| 11 | Bình đựng hóa chất có nắp vặn<br>xanh 1000ml duran | Đức                                                                    | Duran       | 218015455           | Đức        | 6  | Cái  |  |  |
| 12 | Bình đựng hóa chất có nắp vặn<br>xanh 100ml duran  | Đức                                                                    | Duran       | 218012458           | Đức        | 3  | Cái  |  |  |
| 13 | Bình đựng hóa chất có nắp vặn<br>xanh 250ml duran  | Đức                                                                    | Duran       | 218013651           | Đức        | 3  | Cái  |  |  |
| 14 | Bình đựng hóa chất có nắp vặn<br>xanh 500ml duran  | Đức                                                                    | Duran       | 218014459           | Đức        | 7  | Cái  |  |  |
| 15 | Bình đựng hóa chất có nắp vặn<br>xanh Duran 50ml   | Đức                                                                    | Duran       | 218011753           | Đức        | 5  | Chai |  |  |
| 16 | Bình tia 500 ml (nhựa)                             | Bình tia nhựa 500ml, Anh                                               | Azlon       |                     | Anh        | 20 | Cái  |  |  |
| 17 | Bóp cao su                                         | Dùng cho pipet 1ml: 10 cái;<br>2ml: 10 cái, 5ml: 20 cái,<br>Trung Quốc |             |                     | Trung Quốc | 40 | Cái  |  |  |
| 18 | Búa gỗ phản xạ                                     | Trung Quốc                                                             |             |                     | Trung Quốc | 1  | Cái  |  |  |
| 19 | Cầu nhuộm lam và khay nhuộm                        | Đức                                                                    | Marientfeld | 5680005+56300<br>04 | Đức        | 1  | Bộ   |  |  |
| 20 | Cây âm thoa 128Hz                                  | Trung Quốc                                                             |             |                     | Trung Quốc | 1  | Cái  |  |  |
| 21 | Vỏ chai thuốc nhỏ mắt 10 ml                        | Việt Nam                                                               |             |                     | Việt Nam   | 10 | Cái  |  |  |
| 22 | Chảo loại vừa                                      | 25cm, Việt Nam                                                         | Sunhouse    |                     | Việt Nam   | 2  | Cái  |  |  |
| 23 | Chậu thủy tinh                                     | KT 20x10cm, Trung Quốc                                                 |             |                     | Trung Quốc | 10 | Cái  |  |  |
| 24 | Chén sứ nung có nắp                                | Cốc nung 50ml, Trung Quốc                                              | Onelab      |                     | Trung Quốc | 10 | Cái  |  |  |
| 25 | Cốc (ly) thủy tinh                                 | 205ml, Thái Lan                                                        |             |                     | Thái Lan   | 30 | Cái  |  |  |
| 26 | Cốc cân 50x30                                      | Trung Quốc                                                             | Onelab      |                     | Trung Quốc | 5  | Cái  |  |  |
| 27 | Cốc có mỏ 100 ml                                   | Trung Quốc                                                             | Onelab      |                     | Trung Quốc | 20 | Cái  |  |  |
| 28 | Cốc có mỏ 25ml                                     | Biohall, Ấn Độ                                                         | Biohall     |                     | Ấn Độ      | 10 | Cái  |  |  |
| 29 | Cốc có mỏ 50 ml                                    | Trung Quốc                                                             | Onelab      |                     | Trung Quốc | 30 | Cái  |  |  |

|    |                                                               |                                            |  |                     |            |            |     |     |  |
|----|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--|---------------------|------------|------------|-----|-----|--|
| 30 | Cốc đốt cao thành, không mở 100 ml                            | Duran                                      |  | Duran               | 211172401  | Đức        | 5   | Cái |  |
| 31 | Cốc đốt cao thành, không mở 50 ml                             | Duran                                      |  | Duran               | 211171705  | Đức        | 5   | Cái |  |
| 32 | Đầu nối                                                       | Cố nối cho chung cất phân đoạn, Trung Quốc |  |                     |            | Trung Quốc | 5   | Cái |  |
| 33 | Dây silicon trong                                             | Trung Quốc                                 |  |                     |            | Trung Quốc | 5   | Mét |  |
| 34 | Đèn cồn                                                       | 150ml, Trung Quốc                          |  |                     |            | Trung Quốc | 5   | Cái |  |
| 35 | Đèn pin khảm mắt                                              | Rudolf Riester GmbH – Đức                  |  | Rudolf Riester GmbH |            | Đức        | 2   | Cái |  |
| 36 | Đĩa phẳng lớn sứ                                              | 27cm, Việt Nam                             |  | Minh Long           |            | Việt Nam   | 6   | Cái |  |
| 37 | Đĩa vung nhỏ sứ                                               | 21cm, Việt Nam                             |  | Minh Long           |            | Việt Nam   | 6   | Cái |  |
| 38 | Đĩa vung vừa sứ                                               | 25cm, Việt Nam                             |  | Minh Long           |            | Việt Nam   | 6   | Cái |  |
| 39 | Đồng hồ để bàn loại nhỏ                                       | Trung Quốc                                 |  |                     |            | Việt Nam   | 1   | Cái |  |
| 40 | Đũa dài để sao được liệu                                      | Việt Nam                                   |  |                     |            | Việt Nam   | 10  | Cặp |  |
| 41 | Găng tay cao su dày bảo hộ                                    | Việt Nam                                   |  |                     |            | Việt Nam   | 5   | Đôi |  |
| 42 | Giá để pipette dạng tròn 18 lỗ nhỏ, 10 lỗ lớn, không đế 175mm | Ý                                          |  | Kartell             |            | Ý          | 4   | Cái |  |
| 43 | Giá đỡ Micro pipette dạng thẳng                               | Trung Quốc                                 |  | Biosharp            |            | Trung Quốc | 3   | Cây |  |
| 44 | Giá đỡ Micro pipette dạng tròn                                | Fcombio                                    |  | Fcombio             |            | Trung Quốc | 5   | Cái |  |
| 45 | Giá đựng ống nghiệm 20ml inox                                 | Việt Nam                                   |  |                     |            | Việt Nam   | 3   | Cái |  |
| 46 | Giá đựng ống nghiệm 50 lỗ                                     | Trung Quốc                                 |  |                     |            | Trung Quốc | 8   | Cái |  |
| 47 | Giá đựng pipet tròn nhựa 44 vị trí                            | Trung Quốc                                 |  |                     |            | Trung Quốc | 3   | Cái |  |
| 48 | Giá ống nghiệm 4 mặt (đựng 4 kích cỡ ống)                     | Trung Quốc                                 |  |                     |            | Trung Quốc | 5   | Cái |  |
| 49 | Giá pipet nhựa tròn 94 vị trí 48x23cm                         | Isolab, Đức                                |  | Isolab              | 022.01.001 | Đức        | 4   | Cái |  |
| 50 | Hộp chứa cao                                                  | Túi 100 cái, Việt Nam                      |  |                     |            | Việt Nam   | 100 | Cái |  |

|    |                                                          |                |           |            |            |    |     |  |  |
|----|----------------------------------------------------------|----------------|-----------|------------|------------|----|-----|--|--|
| 51 | Hộp đựng bông inox nhỏ kích thước 6.5x8.5cm              | Việt Nam       |           |            | Việt Nam   | 19 | Cái |  |  |
| 52 | Hộp đựng đầu tuyp trắng 10 $\mu$ l                       | Eppendorf/ Đức | Eppendorf | 0030076125 | Đức        | 1  | Cái |  |  |
| 53 | Hộp đựng đầu tuyp vàng 200 $\mu$ l                       | Eppendorf/ Đức | Eppendorf | 0030076150 | Đức        | 1  | Cái |  |  |
| 54 | Hộp đựng đầu tuyp xanh 1000 $\mu$ l                      | Eppendorf/ Đức | Eppendorf | 0030076176 | Đức        | 1  | Cái |  |  |
| 55 | Hộp nhựa đựng tube PCR                                   | Biologix       |           | 90-8009    | Trung Quốc | 5  | Hộp |  |  |
| 56 | Hộp giấy đựng tube eppendorf                             | Biologix       |           | 90-1200    | Trung Quốc | 5  | Hộp |  |  |
| 57 | Kèm Kelly                                                | 16cm, Pakistan |           |            | Pakistan   | 4  | Cái |  |  |
| 58 | Kéo phẫu tích                                            | 16cm, Pakistan | Prime     |            | Pakistan   | 16 | Cái |  |  |
| 59 | Kẹp buret                                                | Trung Quốc     |           |            | Trung Quốc | 5  | Cái |  |  |
| 60 | Kẹp cổ bình cầu                                          | Trung Quốc     |           |            | Trung Quốc | 5  | Cái |  |  |
| 61 | Kẹp inox kẹp ống nghiệm                                  | Trung Quốc     |           |            | Trung Quốc | 60 | Cái |  |  |
| 62 | Kẹp phẫu tích                                            | 16cm, Pakistan | Prime     |            | Pakistan   | 6  | Cái |  |  |
| 63 | Khay chữ nhật inox kích thước 40x60cmx2cm                | Việt Nam       |           |            | Việt Nam   | 4  | Cái |  |  |
| 64 | Khay inox 32x22x2cm                                      | Việt Nam       |           |            | Việt Nam   | 5  | Cái |  |  |
| 65 | Khay quả đậu cựa                                         | Việt Nam       |           |            | Việt Nam   | 10 | Cái |  |  |
| 66 | Khay quả đậu sâu trung 400ml                             | Việt Nam       |           |            | Việt Nam   | 3  | Cái |  |  |
| 67 | Kính cường lực dày 8 mm đặt bàn (Dài x Rộng: 2m6 x 0.8m) | Việt Nam       |           |            | Việt Nam   | 4  | Tấm |  |  |
| 68 | Muôi (vả mức canh) inox 30ml                             | Việt Nam       |           |            | Việt Nam   | 3  | Cái |  |  |
| 69 | Muỗng mức hóa chất inox (Micro) 180mm                    | Isolab, Đức    | Isolab    |            | Đức        | 10 | Cái |  |  |

|    |                                            |                         |        |                    |            |     |     |  |
|----|--------------------------------------------|-------------------------|--------|--------------------|------------|-----|-----|--|
| 70 | Nồi loại nhỏ dùng cho bếp từ               | 16cm, Việt Nam          | TICOOK |                    | Việt Nam   | 3   | Cái |  |
| 71 | Nồi loại vừa dùng cho bếp từ               | 20cm, Việt Nam          | TICOOK |                    | Việt Nam   | 3   | Cái |  |
| 72 | Ổng đóng nhựa chia độ 250ml                | Trung Quốc              | Onelab |                    | Trung Quốc | 5   | Cái |  |
| 73 | Ổng nghiệm thủy tinh loại trung            | 25 x 200 mm, Trung Quốc |        |                    | Trung Quốc | 100 | Cái |  |
| 74 | Ổng nghiệm thủy tinh 12 ml<br>(16x100mm)   | Trung Quốc              | Onelab |                    | Trung Quốc | 100 | Cái |  |
| 75 | Ổng nghiệm thủy tinh 21 ml<br>(16x160mm)   | Trung Quốc              | Onelab |                    | Trung Quốc | 100 | Cái |  |
| 76 | Ổng nghiệm thủy tinh 5ml                   | Trung Quốc              | Onelab | Kt 12x 70-<br>80mm | Trung Quốc | 200 | Cái |  |
| 77 | Ổng nghiệm thủy tinh d=12mm,<br>l=12cm     | Trung Quốc              | Onelab | Kt 12x120mm        | Trung Quốc | 10  | Cái |  |
| 78 | Ổng nghiệm thủy tinh d=12mm,<br>l=8cm      | Trung Quốc              | Onelab | KT 12x75-<br>80mm  | Trung Quốc | 10  | Cái |  |
| 79 | Ổng nghiệm thủy tinh d=16mm                | Trung Quốc              | Onelab | KT: 16x160mm       | Trung Quốc | 10  | Cái |  |
| 80 | Ổng Westergreen                            | Đức                     |        |                    | Đức        | 10  | Cái |  |
| 81 | Panh có máu                                | 16cm, Pakistan          |        |                    | Pakistan   | 5   | Cái |  |
| 82 | Hộp xử trí cấp cứu phản vệ đầy đủ<br>cơ sở | Việt Nam                |        |                    | Việt Nam   | 4   | Hộp |  |
| 83 | Panh không máu                             | 16cm, Pakistan          |        |                    | Pakistan   | 5   | Cái |  |
| 84 | Phễu thủy tinh                             | Trung Quốc              | Onelab |                    | Trung Quốc | 5   | Cái |  |

|     |                                    |                       |                 |              |            |    |     |  |  |
|-----|------------------------------------|-----------------------|-----------------|--------------|------------|----|-----|--|--|
| 85  | Phiến đá men                       | Việt Nam              |                 | KT 100x300mm | Việt Nam   | 1  | m2  |  |  |
| 86  | Pipet bầu 10 ml                    | Duran, Đức            | Duran           | 243380803    | Đức        | 20 | Cái |  |  |
| 87  | Pipet bầu 20 ml                    | Duran, Đức            | Duran           |              | Đức        | 10 | Cái |  |  |
| 88  | Pipet bầu 5 ml                     | Duran, Đức            | Duran           |              | Đức        | 10 | Cái |  |  |
| 89  | Pipet bầu thủy tinh chia độ 10ml   | Isolab, Đức           | Isolab          |              | Đức        | 5  | Cái |  |  |
| 90  | Pipet bầu thủy tinh chia độ 1ml    | Isolab, Đức           | Isolab          |              | Đức        | 5  | Cái |  |  |
| 91  | Pipet bầu thủy tinh chia độ 25ml   | Isolab, Đức           | Isolab          |              | Đức        | 5  | Cái |  |  |
| 92  | Pipet bầu thủy tinh chia độ 5ml    | Isolab, Đức           | Isolab          |              | Đức        | 5  | Cái |  |  |
| 93  | Pipet nhỏ giọt bằng nhựa 3ml       | 50 cái/ Gói, Biologix |                 |              | Trung Quốc | 50 | Cái |  |  |
| 94  | Pipet nhỏ giọt bằng thủy tinh      | 1ml, Trung Quốc       |                 |              | Trung Quốc | 20 | Cái |  |  |
| 95  | Pipet thủy tinh chia độ 10ml thẳng | Isolab, Đức           | Isolab          |              | Đức        | 5  | Cái |  |  |
| 96  | Pipet thủy tinh chia độ 25ml thẳng | Isolab, Đức           | Isolab          |              | Đức        | 5  | Cái |  |  |
| 97  | Pipet thủy tinh chia độ 5ml        | Isolab, Đức           | Isolab          |              | Đức        | 5  | Cái |  |  |
| 98  | Pipette pha loãng bạch cầu, 1:10   | Marientfeld-Đức       | Marientfeld-Đức | 3205000      | Đức        | 15 | Cái |  |  |
| 99  | Pipette pha loãng hồng cầu, 1:100  | Marientfeld-Đức       | Marientfeld-Đức | 3202000      | Đức        | 15 | Cái |  |  |
| 100 | Que cấy vòng                       | Việt Nam              |                 |              | Việt Nam   | 10 | Cái |  |  |
| 101 | Que thủy tinh                      | Việt Nam              |                 |              | Việt Nam   | 15 | Cái |  |  |
| 102 | Thìa (muỗng) inox 10ml             | Việt Nam              |                 |              | Việt Nam   | 9  | Cái |  |  |

|     |                                           |                                                 |  |            |                     |            |    |     |  |
|-----|-------------------------------------------|-------------------------------------------------|--|------------|---------------------|------------|----|-----|--|
| 103 | Thìa (muỗng) inox 15ml                    | Việt Nam                                        |  |            |                     | Việt Nam   | 9  | Cái |  |
| 104 | Thìa (muỗng) inox 5ml                     | Việt Nam                                        |  |            |                     | Việt Nam   | 9  | Cái |  |
| 105 | Platinum sheet electrode                  | Metrohm                                         |  | Metrohm    | PT.sheet            | Thụy Sĩ    | 1  | Cái |  |
| 106 | Thước cuộn thép Stanley                   | Thước cuộn 10m, Trung Quốc                      |  | Stanley    | STHT33463-8         | Trung Quốc | 7  | Cái |  |
| 107 | Thước đo bề dày lớp mỡ dưới da            | Trung Quốc                                      |  |            |                     | Trung Quốc | 1  | Cái |  |
| 108 | Túi chườm lạnh                            | Trung Quốc                                      |  |            |                     | Trung Quốc | 1  | Cái |  |
| 109 | Túi chườm nóng                            | Trung Quốc                                      |  |            |                     | Trung Quốc | 2  | Cái |  |
| 110 | Ủng bảo hộ                                | Trung Quốc                                      |  |            |                     | Việt Nam   | 2  | Cái |  |
| 111 | Vial thủy tinh 2 ml (HPLC)                | Chai vial trắng 1.5ml, 12x32mm, Hộp 100 cái, Mỹ |  | WHEATON    |                     | Mỹ         | 1  | Hộp |  |
| 112 | Xe tiêm 3 tầng có ngăn kéo                | Việt Nam                                        |  |            |                     | Việt Nam   | 2  | Cái |  |
| 113 | Xylanh 10 ml thủy tinh                    | Ấn Độ                                           |  | Truth      |                     | Ấn Độ      | 20 | Cái |  |
| 114 | Casset ( khuôn nhựa đúc bệnh phẩm có nắp) | Trung Quốc                                      |  |            | Kích thước: 28x76mm | Trung Quốc | 10 | Cái |  |
| 115 | Đồng hồ bấm giờ                           | Trung Quốc                                      |  | Isolab     |                     | Trung Quốc | 3  | Cái |  |
| 116 | Lọ để đựng hóa chất nhuộm                 | Marienfeld, Đức                                 |  | Marienfeld |                     | Đức        | 5  | Cái |  |
| 117 | Giá nhuộm lam                             | Marienfeld, Đức                                 |  | Marienfeld |                     | Đức        | 5  | Cái |  |

|                           |                                                                                               |                                                                                           |                                   |                                                 |            |    |      |  |  |
|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------|------------|----|------|--|--|
| 118                       | Giá đựng lam inox 120 vị trí                                                                  | Việt Nam                                                                                  | Đức Mai Khôi                      | Kích thước:<br>200x120x40mm<br>(dài, rộng, cao) | Việt Nam   | 2  | Cải  |  |  |
| 119                       | Bể nhuộm lam gồm 12 cốc nhuộm 300ml và 2 giá nhuộm bằng nhựa có nắp                           | Bộ sản phẩm gồm: 2 giá nhuộm 24 vị trí có tay cầm; 12 hộp nhuộm có kèm nắp đây.Trung Quốc | GUANGZHOU HEHE                    |                                                 | Trung Quốc | 1  | Bộ   |  |  |
| 120                       | Hộp nhuộm lam 10 vị trí có nắp + Khay cho hộp nhuộm lam 10 vị trí + Tay cầm cho hộp nhuộm lam | Marientfeld-Đức                                                                           | Marientfeld                       | 4200004,<br>4200005,<br>6611000                 | Đức        | 2  | Bộ   |  |  |
| 121                       | Thớt Gỗ Chữ Nhật Quai Lớn                                                                     | Quy cách 45x23x1.8(cm), Việt Nam                                                          |                                   |                                                 | Việt Nam   | 1  | Cải  |  |  |
| <b>II VẬT TƯ HÓA CHẤT</b> |                                                                                               |                                                                                           |                                   |                                                 |            |    |      |  |  |
| 122                       | Áo choàng y tế dùng 1 lần                                                                     | Việt Nam                                                                                  | An Lành/ Phúc Hà                  |                                                 | Việt Nam   | 10 | Cải  |  |  |
| 123                       | Aspirin chuẩn                                                                                 | Lọ 200mg, Việt Nam                                                                        | Viện kiểm nghiệm thuốc Trung Ương |                                                 | Việt Nam   | 2  | Lọ   |  |  |
| 124                       | BaCl2                                                                                         | 500g/chai, Trung Quốc                                                                     |                                   |                                                 | Trung Quốc | 3  | Chai |  |  |
| 125                       | Băng cá nhân urgo                                                                             | Hộp 102 miếng, Thái Lan                                                                   | Urgo                              |                                                 | Thái Lan   | 8  | Hộp  |  |  |
| 126                       | Băng keo chỉ thị nhiệt độ 3M                                                                  | 3M                                                                                        | 3M                                |                                                 | Canada     | 1  | Cuộn |  |  |
| 127                       | Băng keo giấy chịu nhiệt                                                                      | 3M                                                                                        | 3M                                |                                                 | Canada     | 1  | Cuộn |  |  |

|     |                                                     |                                         |                                           |       |            |    |     |  |
|-----|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|------------|----|-----|--|
| 128 | Băng keo lựa Urgo                                   | Hộp 20 cuộn, Thái Lan                   | Urgo                                      |       | Thái Lan   | 4  | Hộp |  |
| 129 | Bộ áo quần bảo hộ                                   | Trung Quốc                              |                                           |       | Trung Quốc | 5  | Bộ  |  |
| 130 | Bộ kit tách chiết DNA                               | DNeasy Plant Pro Kit (50), Qiagen - Đức | Qiagen                                    | 69204 | Đức        | 1  | Bộ  |  |
| 131 | Bộ test ASLO                                        | Hộp 100 test, Spectrum, Ai Cập          | Spectrum Diagnostics, Ai Cập              |       | Ai Cập     | 2  | Bộ  |  |
| 132 | Bộ test TPHA                                        | Hộp 20 test, Veda.Lab                   | Veda.Lab - Pháp                           |       | Pháp       | 2  | Bộ  |  |
| 133 | Bộ thuốc nhuộm Gram                                 | 1 bộ 4 chai, Việt Nam                   | Nam Khoa                                  |       | Việt Nam   | 4  | Bộ  |  |
| 134 | Bộ thuốc nhuộm Ziehl Neelsen                        | Bộ 3 chai 100ml, Việt Nam               | Nam Khoa                                  |       | Việt Nam   | 2  | Bộ  |  |
| 135 | Bộ thuốc thử nhóm máu (antiA, antiB, antiAB, antiD) | Bộ 4 chai , 100 ml/ chai, Ai Cập        | Spectrum Diagnostics, Ai Cập              |       | Ai Cập     | 2  | Bộ  |  |
| 136 | Bơm tiêm 1ml                                        | Hộp 100 cái, Việt Nam                   | Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Vinahankook |       | Việt Nam   | 1  | Hộp |  |
| 137 | Bơm tiêm 3ml                                        | Hộp 100 cái, Việt Nam                   | Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Vinahankook |       | Việt Nam   | 7  | Hộp |  |
| 138 | Bơm tiêm 50ml (cho ăn qua sonde)                    | Hộp 25 cái, Việt Nam                    | Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Vinahankook |       | Việt Nam   | 1  | Hộp |  |
| 139 | Bơm tiêm 5ml                                        | Hộp 100 cái, Việt Nam                   | Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Vinahankook |       | Việt Nam   | 11 | Hộp |  |

|     |                                               |                                   |                    |            |            |    |      |  |  |
|-----|-----------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------|------------|------------|----|------|--|--|
| 140 | Bông gòn Bạch Tuyết                           | Cuộn 1kg, Việt Nam                | Bạch Tuyết         |            | Việt Nam   | 15 | Cuộn |  |  |
| 141 | Bông tẩy cồn vô khuẩn                         | Hộp 100 cái                       |                    |            | Việt Nam   | 10 | Hộp  |  |  |
| 142 | CaCl2                                         | 500g/chai, Trung Quốc             | Xilong             | 10043-52-4 | Trung Quốc | 1  | Chai |  |  |
| 143 | Chai cấy máu 2 pha                            | Hộp 10 chai                       |                    |            | Việt Nam   | 30 | Chai |  |  |
| 144 | Chai sát khuẩn tay nhanh Aniosgel 85NPC 500ml | 500 ml/ Chai, Pháp                | Laboratoires Anios |            | Pháp       | 8  | Chai |  |  |
| 145 | Cồn 96                                        | Việt Nam                          |                    |            | Việt Nam   | 50 | Lít  |  |  |
| 146 | Cồn iod                                       | Lọ 20ml/ Chai, Việt Nam           | Pharmedic          |            | Việt Nam   | 5  | Chai |  |  |
| 147 | Cồn tuyệt đối                                 | Chai 1 lít, Việt Nam              |                    |            | Việt Nam   | 11 | Lít  |  |  |
| 148 | CuSO4                                         | 500g/ Chai, Trung Quốc            | GH Tech/ Xilong    |            | Trung Quốc | 1  | Chai |  |  |
| 149 | Dầu bôi trơn glycerin 500ml                   | Việt Nam                          |                    |            | Việt Nam   | 1  | Chai |  |  |
| 150 | Dầu côn trắng                                 | 1000 cái/ gói, Biologix           | Biologix           | 20-0010    | Trung Quốc | 2  | Gói  |  |  |
| 151 | Dầu côn vàng                                  | 1000 cái/ gói, Biologix           | Biologix           | 20-0200    | Trung Quốc | 2  | Gói  |  |  |
| 152 | Dầu côn xanh                                  | 1000 cái/ gói, Biologix           | Biologix           | 20-1000    | Trung Quốc | 2  | Gói  |  |  |
| 153 | Dầu soi kính                                  | Chai 500ml, 1046990500, Merck Đức | Merck              | 1046990500 | Đức        | 1  | Chai |  |  |
| 154 | Dầu tıp có lọc 0,5-10 µl                      | 96 tıp/hộp, Biologix              | Biologix           | 23-0010    | Trung Quốc | 5  | Hộp  |  |  |

|     |                               |                                                                                 |                          |           |            |    |      |  |  |
|-----|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------|------------|----|------|--|--|
| 155 | Đầu típ có lọc 100-1000 µl    | 96 tip/hộp, Biologix                                                            | Biologix                 | 23-1000   | Trung Quốc | 5  | Hộp  |  |  |
| 156 | Đầu típ có lọc 20-200 µl      | 96 tip/hộp, Biologix                                                            | Biologix                 | 23-0200A  | Trung Quốc | 5  | Hộp  |  |  |
| 157 | Đầu típ có lọc 2-20 µl        | 96 tip/hộp, Fcombo                                                              | Fcombo                   | MFTR20-96 | Trung Quốc | 5  | Hộp  |  |  |
| 158 | Đầu típ không lọc 100-1000 µl | 96 tip/hộp, Biologix                                                            | Biologix                 | 21-1000   | Trung Quốc | 5  | Hộp  |  |  |
| 159 | Đầu típ không lọc 0,5-10 µl   | 96 tip/hộp, Biologix                                                            | Biologix                 | 21-0010   | Trung Quốc | 5  | Hộp  |  |  |
| 160 | Đầu típ không lọc 20-200 µl   | 96 tip/hộp, Biologix                                                            | Biologix                 | 21-0200   | Trung Quốc | 5  | Hộp  |  |  |
| 161 | Đầu típ không lọc 2-20 µl     | 96 tip/hộp, Fcombo                                                              |                          | MFTR20-96 | Trung Quốc | 5  | Hộp  |  |  |
| 162 | Dây cho ăn (ống Levin)        | số 16, có nắp, đầu to dùng cho bơm tiêm cho ăn 50ml,                            |                          |           | Đài Loan   | 10 | Cái  |  |  |
| 163 | Dây garo                      | Trung Quốc                                                                      |                          |           | Trung Quốc | 20 | Cái  |  |  |
| 164 | Đĩa giấy Optochin             | 20 đĩa/lọ                                                                       | Nam Khoa                 |           | Việt Nam   | 1  | Lọ   |  |  |
| 165 | Đĩa giấy oxydase              | 20 đĩa/lọ                                                                       | Nam Khoa                 |           | Việt Nam   | 1  | Lọ   |  |  |
| 166 | DNA ladder 100 bp             | 100 µL DNA Ladder, 1 mL 10X Sample Loading Buffer, 100 Applications, Invitrogen | Thermo Fisher Scientific | 15628019  | Mỹ         | 1  | Hộp  |  |  |
| 167 | Doxycyclin hydroclorid        | Chai 25g, Canada                                                                | Biobasic                 | DB0889    | Canada     | 4  | Chai |  |  |
| 168 | Dung dịch Amoniac             | 500ml/ Chai, Trung Quốc                                                         | GH Tech/ Xilong          |           | Trung Quốc | 1  | Chai |  |  |

|     |                                                                                             |                         |                 |            |            |     |      |  |  |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------|------------|------------|-----|------|--|--|
| 169 | Dung dịch Lazarus                                                                           | Chai 500ml, Việt Nam    | Đúc Mai Khôi    |            | Việt Nam   | 1   | Chai |  |  |
| 170 | Dung dịch Marcano                                                                           | Chai 500ml, Việt Nam    | Đúc Mai Khôi    |            | Việt Nam   | 1   | Chai |  |  |
| 171 | Natricitrat C <sub>6</sub> H <sub>5</sub> NA <sub>3</sub> O <sub>7</sub> .2H <sub>2</sub> O | Chai 500g, Trung Quốc   |                 | 6132-04-3  | Trung Quốc | 1   | Chai |  |  |
| 172 | Đường 75g dùng trong test đường thai kỳ                                                     | Chai 100ml, Việt Nam    | Khải Vân        |            | Việt Nam   | 10  | Chai |  |  |
| 173 | Đường saccharose                                                                            | 500g/ Chai, Trung Quốc  | GH Tech/ Xilong |            | Trung Quốc | 4   | Chai |  |  |
| 174 | Đường trắng                                                                                 | Gói 500g, Việt Nam      | Biên Hòa        |            | Việt Nam   | 1   | Gói  |  |  |
| 175 | EDTA                                                                                        | Chai 100g, Merck        | Merck           |            | Đức        | 1   | Chai |  |  |
| 176 | EDTA, Disodium Salt                                                                         | Chai 100g, Sigma        | Sigma           | E1644-100g | Sigma      | 5   | Chai |  |  |
| 177 | Eppendorf 5ml vô khuẩn                                                                      | Túi 100 cái, Trung Quốc | Biosharp        |            | Trung Quốc | 100 | Cái  |  |  |
| 178 | Eppendorf tube đã khử trùng (1,5-2 ml)                                                      | Túi 500 cái, Biologix   | Biologix        |            | Trung Quốc | 8   | Gói  |  |  |
| 179 | Ethidium bromide                                                                            | Chai 10ML, Sigma        | Sigma           | E1510      | Mỹ         | 1   | Chai |  |  |
| 180 | Fructose                                                                                    | 500g/chai, Ấn Độ        | Oxford          |            | Ấn Độ      | 1   | Chai |  |  |
| 181 | Gạc mé y tế                                                                                 | Việt Nam                | Dại Minh        |            | Việt Nam   | 10  | Mét  |  |  |
| 182 | Găng tay cao su dày bảo hộ                                                                  | Trung Quốc              |                 |            | Trung Quốc | 5   | Đôi  |  |  |
| 183 | Găng tay vô khuẩn 7                                                                         | Hộp 50 đôi, Việt Nam    | Merufa          |            | Việt Nam   | 1   | Hộp  |  |  |

|     |                                                   |                                   |          |  |            |    |      |  |  |
|-----|---------------------------------------------------|-----------------------------------|----------|--|------------|----|------|--|--|
| 184 | Găng tay vô khuẩn 7.5                             | Hộp 50 đôi, Việt Nam              | Merufa   |  | Việt Nam   | 1  | Hộp  |  |  |
| 185 | Găng tay y tế có bột size L                       | Hộp 50 đôi, Việt Nam              | Vgloves  |  | Việt Nam   | 8  | Hộp  |  |  |
| 186 | Găng tay y tế có bột size M                       | Hộp 50 đôi, Việt Nam              | Vgloves  |  | Việt Nam   | 24 | Hộp  |  |  |
| 187 | Găng tay y tế có bột size S                       | Hộp 50 đôi, Việt Nam              | Vgloves  |  | Việt Nam   | 5  | Hộp  |  |  |
| 188 | Găng tay y tế không bột sz M                      | Hộp 50 đôi, Việt Nam              | Vgloves  |  | Việt Nam   | 5  | Hộp  |  |  |
| 189 | Giấy cân 10x10cm                                  | Hộp 500 tờ, Đài Loan              |          |  | Đài Loan   | 1  | Hộp  |  |  |
| 190 | Giấy điện tim 6 cần nihon kohden<br>FQW 110-2-140 | Trung Quốc                        |          |  | Trung Quốc | 4  | Tập  |  |  |
| 191 | Giấy lọc đường kính 11 cm                         | Hộp 100 tờ, Trung Quốc            | Newstar  |  | Trung Quốc | 20 | Hộp  |  |  |
| 192 | Giấy mềm chuyên dụng                              | Kimtech, Hộp 280 tờ, Mỹ           | Kim tech |  | Mỹ         | 2  | Hộp  |  |  |
| 193 | Giấy parafilm                                     | Màng Parafilm PM 996, Mỹ          | PM 996   |  | Mỹ         | 1  | Cuộn |  |  |
| 194 | Giấy tẩm KI - hồ tinh bột                         | Merck                             |          |  | Merck      | 2  | Hộp  |  |  |
| 195 | Giêmsa                                            | Chai 100ml, Nam Khoa,<br>Việt Nam | Nam Khoa |  | Việt Nam   | 3  | Chai |  |  |
| 196 | Glucose                                           | D-glucose, 500g/chai              |          |  | Trung Quốc | 1  | Chai |  |  |

|     |                                     |                                                    |                              |  |            |    |      |  |  |
|-----|-------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------|--|------------|----|------|--|--|
| 197 | Gôm adragant (Gum Arabic)           | Gói 100g, Trung Quốc                               |                              |  | Trung Quốc | 1  | Gói  |  |  |
| 198 | Hồ tinh bột                         | 500g/chai, Trung Quốc                              |                              |  | Trung Quốc | 1  | Chai |  |  |
| 199 | Hộp đựng vật sắc nhọn nhỏ loại nhựa | Nhựa, loại nhỏ, 1,5 lít, Việt Nam                  |                              |  | Việt Nam   | 5  | Hộp  |  |  |
| 200 | Anti - Human Globulin (AHG)         | Lọ 10ml, Ai Cập                                    | Spectrum Diagnostics, Ai Cập |  | Ai Cập     | 1  | Lọ   |  |  |
| 201 | Huyết thanh mẫu ( Bộ định nhóm máu) | Bộ gồm Anti A, AntiB, Anti AB, Anti D, Ai Cập      | Spectrum Diagnostics, Ai Cập |  | Ai Cập     | 2  | Bộ   |  |  |
| 202 | Huyết tương tho đông khô            | (Bacident Coagulase Rabbit plasma), 6 ống/hộp/ Đức | Merck                        |  | Đức        | 1  | Hộp  |  |  |
| 203 | Kẽm oxyd ZnO                        | Chai 500g, Ấn Độ                                   |                              |  | Ấn Độ      | 1  | Chai |  |  |
| 204 | Kẽm sulfat ZnSO4                    | 500g/chai, Trung Quốc                              | Gh Tech/ Xilong              |  | Trung Quốc | 2  | Chai |  |  |
| 205 | Khẩu trang N95 3M 8210 dây qua đầu  | Hộp 20 cái, Hàn Quốc                               |                              |  | Hàn Quốc   | 20 | Cái  |  |  |
| 206 | Khẩu trang y tế                     | Hộp 50 cái, Việt Nam                               |                              |  | Việt Nam   | 10 | Hộp  |  |  |
| 207 | Kim bướm lấy máu chân không 21G     | Hộp 50 cái, Nhật Bản                               | BD                           |  | Nhật Bản   | 2  | Hộp  |  |  |
| 208 | Kim lancet                          | Hộp 100 cái                                        |                              |  | Trung Quốc | 5  | Hộp  |  |  |
| 209 | Kim sắc thuốc 18G                   | Hộp 100 cái, Việt Nam                              | Vinahancook                  |  | Việt Nam   | 5  | Hộp  |  |  |
| 210 | Kit Gotag Green Master Mixx         | GoTaq® Green Master Mix, Mỹ                        | Promega                      |  | Mỹ         | 1  | Bộ   |  |  |

|     |                                                           |                          |                                   |           |                 |    |      |  |  |
|-----|-----------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------|-----------|-----------------|----|------|--|--|
| 211 | Lactose                                                   | 500g/chai, Trung Quốc    | Gh TECh/<br>Xilong                |           | Trung Quốc      | 1  | Chai |  |  |
| 212 | Lam kính mờ 25.4 x 76.2mm                                 | Hộp 72 cái, Trung Quốc   | Greetmet                          |           | Trung Quốc      | 21 | Hộp  |  |  |
| 213 | Hộp lưới dao lam                                          | Hộp 10 cái, Châu Á       |                                   |           | Châu Á          | 5  | Hộp  |  |  |
| 214 | Lưỡi dao mổ dùng 1 lần số 10                              | Hộp 100 cái, Ấn Độ       |                                   |           | Ấn Độ           | 2  | Hộp  |  |  |
| 215 | Màng lọc dung môi: Màng<br>cellulose acetat 47mm, 0,45µm  | Hộp 100 tờ, Whatman, Anh | Whatman                           | 7000-0004 | Anh             | 1  | Hộp  |  |  |
| 216 | Màng lọc Syringe 0.2µm tiệt trùng                         | Hộp 50 cái, Đức          | Sartorius, Đức                    | S7597     | Đức             | 1  | Hộp  |  |  |
| 217 | Màng lọc Syringe 0.45µm tiệt<br>trùng (200 x 130 x 100mm) | Hộp 50 cái, Đức          | Sartorius, Đức                    | S7598     | Đức             | 1  | Hộp  |  |  |
| 218 | Mặt nạ chống độc                                          | Hàn Quốc                 | Restech                           |           | <b>Hàn Quốc</b> | 5  | Cái  |  |  |
| 219 | Môi SRY-F 5'-GAA TAT TCC<br>CGC TCT CCG GAG- 3'           | Phù Sa, Việt Nam         | Phusa Genomics                    |           | Việt Nam        | 1  | Tube |  |  |
| 220 | Môi SRY-F 5'-ACC ACT GTA<br>CTG ACT GTG ATT ACA C-3'      | Phù Sa, Việt Nam         | Phusa Genomics                    |           | Việt Nam        | 1  | Tube |  |  |
| 221 | Môi SRY-R 5'-ACC TGT TGT<br>CCA GTT GCA CT-3'             | Phù Sa, Việt Nam         | Phusa Genomics                    |           | Việt Nam        | 1  | Tube |  |  |
| 222 | Môi SRY-R 5'-GCA CCT CTT<br>TGG TAT CCG AGA AAG T -3'     | Phù Sa, Việt Nam         | Phusa Genomics                    |           | Việt Nam        | 1  | Tube |  |  |
| 223 | Môi trường nuôi cấy lympho PB<br>Max                      | Chai 500ml, Gibco, Mỹ    | Gibco/Thermo<br>Fisher Scientific | 12557021  | Mỹ              | 1  | Chai |  |  |
| 224 | Muối hạt                                                  | Gói 1kg, Việt Nam        |                                   |           | Việt Nam        | 5  | Kg   |  |  |

|     |                                                        |                         |                     |         |            |   |      |  |  |
|-----|--------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------|---------|------------|---|------|--|--|
| 225 | Na2CO3                                                 | 500g/chai, Trung Quốc   | GH Tech/<br>Xilong  |         | Trung Quốc | 1 | Chai |  |  |
| 226 | Na2HPO4                                                | 500g/chai, Merck        | Merck               |         | Đức        | 1 | Chai |  |  |
| 227 | NaCl                                                   | 500g/chai, Trung Quốc   | GH Tech/<br>Xilong  |         | Trung Quốc | 1 | Chai |  |  |
| 228 | NaHCO3                                                 | 500g/chai, Trung Quốc   | GH Tech/<br>Xilong  |         | Trung Quốc | 1 | Chai |  |  |
| 229 | NaNO2                                                  | 500g/chai, Trung Quốc   | GH Tech/<br>Xilong  |         | Trung Quốc | 1 | Chai |  |  |
| 230 | Penicillin G                                           | Lọ 100g, Canada         | Biobasic            | 69-57-8 | Canada     | 1 | Lọ   |  |  |
| 231 | Nước oxy già 3%                                        | Chai 60ml, Việt Nam     |                     |         | Việt Nam   | 4 | Chai |  |  |
| 232 | Ông mao quản                                           | Hộp 100 cái             | Marientfeld,<br>Đức |         | Đức        | 2 | Hộp  |  |  |
| 233 | Ông nghiệm chân không EDTA K3                          | 100 cái/hộp, Việt Nam   | HTM                 |         | Việt Nam   | 1 | Hộp  |  |  |
| 234 | Ông nghiệm EDTA (màu xanh nhạt)                        | 100 cái/hộp, Việt Nam   | HTM                 |         | Việt Nam   | 2 | Hộp  |  |  |
| 235 | Ông nghiệm Heparin (màu đen)                           | 100 cái/hộp, Việt Nam   | HTM                 |         | Việt Nam   | 1 | Hộp  |  |  |
| 236 | Ông nghiệm màu xám                                     | 100 cái/hộp, Việt Nam   | HTM                 |         | Việt Nam   | 1 | Hộp  |  |  |
| 237 | Ông nghiệm màu xanh lá cây                             | 100 cái/hộp, Việt Nam   | HTM                 |         | Việt Nam   | 1 | Hộp  |  |  |
| 238 | Ông rửa dạ dày Faucher                                 | Trung Quốc              |                     |         | Trung Quốc | 5 | Cái  |  |  |
| 239 | PCR kit (Taq polymerase, dNTP mix, MgCl2, Taq buffers) | 500 phản ứng, Mỹ        | NEB                 | M0270L  | Mỹ         | 1 | Kit  |  |  |
| 240 | PCR tube đã khử trùng (0,2 ml)                         | 1000 cái/ Gói, Biologix |                     |         | Trung Quốc | 1 | Gói  |  |  |

|     |                                                                   |                         |                 |            |            |     |      |  |  |
|-----|-------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------|------------|------------|-----|------|--|--|
| 241 | PEG 400                                                           | Chai 250g, Trung Quốc   |                 |            | Trung Quốc | 1   | Chai |  |  |
| 242 | PEG 4000                                                          | Chai 1kg, Sigma         | Sigma           | 8074901000 | Đức        | 1   | Chai |  |  |
| 243 | PEG 6000                                                          | 500g/ Chai, Biobasic    | Biobasic        | PB0432     | Canada     | 1   | Chai |  |  |
| 244 | Pipet nhựa 1ml                                                    | Trung Quốc              | Biologix        | 07-5001    | Trung Quốc | 100 | Cái  |  |  |
| 245 | Pipet nhựa 5ml                                                    | Trung Quốc              | Biologix        | 07-5005    | Trung Quốc | 200 | Cái  |  |  |
| 246 | Potassium dihydrogen phosphate (KH <sub>2</sub> PO <sub>4</sub> ) | Chai 1kg, Merck         | Merck           |            | Đức        | 1   | Chai |  |  |
| 247 | Primer for HBV, MTB, HCV                                          | IDT                     | IDT             |            | IDT        | 6   | Tube |  |  |
| 248 | Que cấy nhựa 1µl tiết trùng                                       | 25 que/gói, Biologix    | Biologix        | 65-0001    | Trung Quốc | 75  | Que  |  |  |
| 249 | Que tăm bông lấy dịch ty hầu (cán mềm)                            | Gói 100 que             |                 |            | Trung Quốc | 1   | Gói  |  |  |
| 250 | Que tăm bông lấy mẫu (ống)                                        | 100 que/gói, Trung Quốc |                 |            | Trung Quốc | 1   | Gói  |  |  |
| 251 | Sắt (III) amoni sulfat (Phèn sắt amoni)                           | 500g/ Chai, Trung Quốc  | GH Tech/ Xilong |            | Trung Quốc | 1   | Chai |  |  |
| 252 | Sodium acetate (CH <sub>3</sub> COONa)                            | 1kg/ Chai, Sigma        | Sigma           |            | Sigma      | 1   | Kg   |  |  |
| 253 | Sodium chloride (NaCl)                                            | 500g/ chai, Sigma       | Sigma           | S9625-500g | Sigma      | 1   | Chai |  |  |
| 254 | Sodium dodecyl sunfate (SDS)                                      | 25 g/chai, Sigma        | Sigma           | L4509-25g  | Sigma      | 1   | Chai |  |  |
| 255 | Sodium hydrogenphosphate (Na <sub>2</sub> HPO <sub>4</sub> )      | 500g/ chai, Sigma       | Sigma           | S5136-500G | Sigma      | 2   | Chai |  |  |
| 256 | Sonde Foley 2 ngành (14F)                                         | Trung Quốc              |                 |            | Trung Quốc | 1   | Hộp  |  |  |
| 257 | Sonde Nelaton                                                     | Trung Quốc              |                 |            | Trung Quốc | 10  | Cái  |  |  |

|     |                        |                                                                            |            |        |            |    |      |  |  |
|-----|------------------------|----------------------------------------------------------------------------|------------|--------|------------|----|------|--|--|
| 258 | Sonde thử thảo         | Trung Quốc                                                                 |            |        | Trung Quốc | 10 | Cải  |  |  |
| 259 | Streptomycin sulfat    | 250g/ Chai, Biobasic                                                       | Biobasic   | SB0494 | Canada     | 5  | Chai |  |  |
| 260 | Test nhanh COVID-19 Ag | 25 Test/ Hộp                                                               | Acon       |        | Trung Quốc | 25 | Test |  |  |
| 261 | Test nhanh HBsAG       | 25 Test/ Hộp                                                               | Standard Q |        | Hàn Quốc   | 25 | Test |  |  |
| 262 | Test nhanh HCV         | 26 Test/ Hộp                                                               | Standard Q |        | Hàn Quốc   | 25 | Test |  |  |
| 263 | Test nhanh HIV         | 27 Test/ Hộp                                                               | Standard Q |        | Hàn Quốc   | 25 | Test |  |  |
| 264 | Tim đèn cồn            | dài 15cm/ Cái, Việt Nam                                                    |            |        | Việt Nam   | 25 | Cải  |  |  |
| 265 | Thrombin               | Hộp 10 ống, Pháp                                                           |            |        | Pháp       | 1  | Hộp  |  |  |
| 266 | Thrombin pha loãng     | Hộp 10 ống, Pháp                                                           |            |        | Pháp       | 1  | Hộp  |  |  |
| 267 | Thuốc thử ALT          | Hộp (4x50ml + 1x50ml), CH Séc                                              | Erba       |        | CH Séc     | 1  | Hộp  |  |  |
| 268 | Thuốc thử AST          | Hộp (4x50ml + 1x50ml), CH Séc                                              | Erba       |        | CH Séc     | 1  | Hộp  |  |  |
| 269 | Thuốc thử Bilirubin    | Hộp (4x50ml), CH Séc                                                       | Erba       |        | CH Séc     | 1  | Hộp  |  |  |
| 270 | Thuốc thử Cholesterol  | Hộp (5x50ml), CH Séc                                                       | Erba       |        | CH Séc     | 1  | Hộp  |  |  |
| 271 | Thuốc thử Creatinine   | Hộp (2x50ml + 2x50ml), CH Séc                                              | Erba       |        | CH Séc     | 1  | Hộp  |  |  |
| 272 | Thuốc thử Fehling      | Bộ gồm 2 chai:<br>- 1 chai Fehling A - 500ml<br>- 1 chai Fehling B - 500ml |            |        | Việt Nam   | 1  | Bộ   |  |  |

|     |                                  |                                                      |                                            |                                                       |            |    |      |  |  |
|-----|----------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------|----|------|--|--|
| 273 | Thuốc thử Glucose                | Hộp<br>(2x250ml), CH Séc                             | Erba                                       |                                                       | CH Séc     | 1  | Hộp  |  |  |
| 274 | Thuốc thử HDL-C                  | Hộp<br>(80ml), CH Séc                                | Erba                                       |                                                       | CH Séc     | 1  | Hộp  |  |  |
| 275 | Thuốc thử Protein                | Hộp<br>(5x50ml), CH Séc                              | Erba                                       |                                                       | CH Séc     | 1  | Hộp  |  |  |
| 276 | Thuốc thử Triglycerid            | Hộp<br>(1x250ml), CH Séc                             | Erba                                       |                                                       | CH Séc     | 1  | Hộp  |  |  |
| 277 | Thuốc thử Ure                    | Hộp<br>(4x50ml + 1x50ml), CH Séc                     | Erba                                       |                                                       | CH Séc     | 1  | Hộp  |  |  |
| 278 | Tris-Base                        | 500 g/chai, Sigma                                    | 93352-500g                                 | Sigma                                                 | Sigma      | 1  | Chai |  |  |
| 279 | Trizol                           | 100 ml/chai, Invitrogen                              | Invitrogen/<br>Thermo Fisher<br>Scientific | 15596026                                              | Mỹ         | 1  | Chai |  |  |
| 280 | Tube trữ máu Blue cap            | Gói 100 ống, Việt Nam                                |                                            |                                                       | Việt Nam   | 1  | Gói  |  |  |
| 281 | Túi đựng nước tiểu               | Bịch 10 cái, Trung Quốc                              |                                            |                                                       | Trung Quốc | 10 | Cái  |  |  |
| 282 | Túi hậu môn nhân tạo B.Braun     | Bbraun                                               | Bbraun                                     |                                                       | EU         | 5  | Cái  |  |  |
| 283 | Xanh Crésyl bão hòa              | Brilliant cresyl blue<br>solution, Chai 100ml, Merck | Merck                                      | 1013840100                                            | Merck      | 2  | Chai |  |  |
| 284 | Lamelle                          | Phiến kính 24x50mm, Hộp<br>100 cái, Marienfeld, Đức  |                                            | Marienfeld                                            | Đức        | 1  | Hộp  |  |  |
| 285 | Chất xử lý tế bào Clear - Rite 3 | Can nhựa 5L, Mỹ                                      |                                            | Richard allan<br>Scientific/<br>Thermo<br>Scientific™ | Mỹ         | 1  | Can  |  |  |

|            |                                                                                                                                                                                    |                      |                                        |                             |          |   |      |  |  |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------------------------|-----------------------------|----------|---|------|--|--|
| 286        | Bộ Dệm Trung Tính - Buffer<br>Formalin 10% pha sẵn                                                                                                                                 | Can nhựa 5L, Mỹ      |                                        | Richard allan<br>Scientific | Mỹ       | 1 | Can  |  |  |
| 287        | Parafin tinh khiết                                                                                                                                                                 | Túi 1kg, Mỹ          |                                        | Leica<br>Biosystems         | Mỹ       | 2 | Túi  |  |  |
| 288        | Chất nhuộm tiêu bản Hematoxylin                                                                                                                                                    | Chai 500 ml, Merck   | Merck                                  | 1051750500                  | Merck    | 1 | Chai |  |  |
| 289        | Chất nhuộm tiêu bản Eosin Y                                                                                                                                                        | Chai 1 lít, Merck    | Merck                                  | 1098441000                  | Merck    | 1 | Chai |  |  |
| 290        | Cồn 70 độ                                                                                                                                                                          | Chai 1 lít, Việt Nam | Khải Vân                               |                             | Việt Nam | 1 | Chai |  |  |
| 291        | Cồn tuyệt đối 99,5% v/v                                                                                                                                                            | Chai 1 lít, Việt Nam | Cemaco                                 |                             | Việt Nam | 1 | Chai |  |  |
| 292        | Amonia solution                                                                                                                                                                    | Chai 1 lít, Merck    | Merck                                  | 1054321011                  | Merck    | 1 | Chai |  |  |
| 293        | Cồn 90 độ                                                                                                                                                                          | Chai 1 lít, Việt Nam | Khải Vân                               |                             | Việt Nam | 1 | Chai |  |  |
| 294        | Keo dán lam (Chất gắn tiêu bản<br>Mounting Medium)                                                                                                                                 | Chai 1 l 8ml, Mỹ     | Richard allan<br>Scientific/<br>Thermo |                             | Mỹ       | 2 | Chai |  |  |
| 295        | EA50 – gồm Eosin Y, 0.23%,<br>Bismarck brown, 0.05%, fast<br>green FCF, 0.08%,<br>phosphotungstic acid, 0.2%, trong<br>denatured alcohol (cồn được<br>methyl hóa – Cồn biến tính). | Chai 500ml, Merck    | Merck                                  | 1092720500                  | Merck    | 1 | Chai |  |  |
| 296        | OG6 – Orange G, 0.3% and<br>phosphotungstic acid, 0.015%,<br>trong denatured alcohol (cồn được<br>methyl hóa – Cồn biến tính).                                                     | Chai 500ml, Merck    | Merck                                  | 1068880500                  | Merck    | 1 | Chai |  |  |
| <b>III</b> | <b>DƯỢC LIỆU</b>                                                                                                                                                                   |                      |                                        |                             |          |   |      |  |  |
| 297        | Bỏ kết (dạng bột)                                                                                                                                                                  | Gói 500g, Việt Nam   |                                        |                             | Việt Nam | 1 | Gói  |  |  |

|           |                                                        |                      |                     |  |          |    |     |  |  |
|-----------|--------------------------------------------------------|----------------------|---------------------|--|----------|----|-----|--|--|
| 298       | Tinh dầu bạc hà                                        | Chai 1 lít, Ấn Độ    | Bhoomi              |  | Ấn Độ    | 1  | Lít |  |  |
| 299       | Tinh dầu hương nhu                                     | Chai 1 lít, Ấn Độ    | Bhoomi              |  | Ấn Độ    | 1  | Lít |  |  |
| 300       | Tinh dầu quế                                           | Chai 1 lít, Ấn Độ    | Bhoomi              |  | Ấn Độ    | 1  | Lít |  |  |
| 301       | Tinh dầu trầm                                          | Chai 1 lít, Ấn Độ    | Bhoomi              |  | Ấn Độ    | 1  | Lít |  |  |
| 302       | Hồe hoa                                                | Gói 1kg, Việt Nam    |                     |  | Việt Nam | 1  | Kg  |  |  |
| 303       | Dầu dừa nguyên chất                                    | Chai 1 lít, Việt Nam | Vietcoco, Việt Nam  |  | Việt Nam | 1  | Lít |  |  |
| 304       | Đậu đen xanh lòng                                      | Gói 500g, Việt Nam   | Xuân Hồng, Việt Nam |  | Việt Nam | 1  | Gói |  |  |
| 305       | Hạt cau khô                                            | Gói 500g, Việt Nam   |                     |  | Việt Nam | 1  | Gói |  |  |
| <b>IV</b> | <b>TIÊU BẢN</b>                                        |                      |                     |  |          |    |     |  |  |
| 306       | Tiêu bản mô cơ vân trên thỏ                            | Việt Nam             |                     |  | Việt Nam | 12 | Cái |  |  |
| 307       | Tiêu bản mô dạ dày trên thỏ                            | Việt Nam             |                     |  | Việt Nam | 15 | Cái |  |  |
| 308       | Tiêu bản chủng vi khuẩn<br><i>Helicobacter pylori</i>  | Việt Nam             |                     |  | Việt Nam | 5  | Cái |  |  |
| 309       | Tiêu bản chủng vi khuẩn<br><i>Hemophilus influenza</i> | Việt Nam             |                     |  | Việt Nam | 5  | Cái |  |  |
| 310       | Tiêu bản chủng vi khuẩn <i>Neisseria gonorrhoeae</i>   | Việt Nam             |                     |  | Việt Nam | 5  | Cái |  |  |
| 311       | Tiêu bản chủng vi khuẩn <i>Neisseria meningitidis</i>  | Việt Nam             |                     |  | Việt Nam | 5  | Cái |  |  |

|     |                                                            |                              |  |  |  |          |    |     |  |  |
|-----|------------------------------------------------------------|------------------------------|--|--|--|----------|----|-----|--|--|
| 312 | Tiêu bản chủng vi khuẩn<br><i>Pseudomonas aeruginosa</i>   | Việt Nam                     |  |  |  | Việt Nam | 5  | Cải |  |  |
| 313 | Tiêu bản chủng vi khuẩn<br><i>Salmonella</i>               | Việt Nam                     |  |  |  | Việt Nam | 5  | Cải |  |  |
| 314 | Tiêu bản chủng vi khuẩn <i>Shigella</i>                    | Việt Nam                     |  |  |  | Việt Nam | 5  | Cải |  |  |
| 315 | Tiêu bản chủng vi khuẩn<br><i>Staphylococcus aureus</i>    | Việt Nam                     |  |  |  | Việt Nam | 5  | Cải |  |  |
| 316 | Tiêu bản chủng vi khuẩn<br><i>Streptococcus pneumoniae</i> | Việt Nam                     |  |  |  | Việt Nam | 5  | Cải |  |  |
| 317 | Tiêu bản chủng vi khuẩn<br><i>Streptococcus pyogenes</i>   | Việt Nam                     |  |  |  | Việt Nam | 5  | Cải |  |  |
| 318 | Tiêu bản phân bào nguyên nhiễm<br>(nguyên phân) ở rế hành  | Bộ gồm 12 tiêu bản, Việt Nam |  |  |  | Việt Nam | 2  | Bộ  |  |  |
| 319 | Tiêu bản não cắt ngang trên Thỏ                            | Việt Nam                     |  |  |  | Việt Nam | 14 | Cải |  |  |
| 320 | Tiêu bản u quái buồng trứng                                | Việt Nam                     |  |  |  | Việt Nam | 15 | Cải |  |  |
| 321 | Tiêu bản chủng vi khuẩn <i>Vibrio cholerae</i>             | Việt Nam                     |  |  |  | Việt Nam | 5  | Cải |  |  |
| 322 | Tiêu bản huyết đồ: Bệnh đa u tủy xương                     | Việt Nam                     |  |  |  | Việt Nam | 5  | Cải |  |  |
| 323 | Tiêu bản huyết đồ: Suy tủy                                 | Việt Nam                     |  |  |  | Việt Nam | 5  | Cải |  |  |
| 324 | Tiêu bản huyết đồ: Bạch cầu cấp                            | Việt Nam                     |  |  |  | Việt Nam | 5  | Cải |  |  |

|     |                                              |          |      |  |  |          |   |     |  |  |
|-----|----------------------------------------------|----------|------|--|--|----------|---|-----|--|--|
| 325 | Tiêu bản huyết đồ: Leucemia kinh             | Việt Nam |      |  |  | Việt Nam | 5 | Cái |  |  |
| 326 | Tiêu bản huyết đồ: U lympho ác tính          | Việt Nam |      |  |  | Việt Nam | 5 | Cái |  |  |
| 327 | Tiêu bản huyết đồ: Thalassemia               | Việt Nam |      |  |  | Việt Nam | 5 | Cái |  |  |
| 328 | Tiêu bản huyết đồ: Đa hồng cầu               | Việt Nam |      |  |  | Việt Nam | 5 | Cái |  |  |
| 329 | Tiêu bản huyết đồ: Tăng tiểu cầu nguyên phát | Việt Nam |      |  |  | Việt Nam | 5 | Cái |  |  |
| 330 | Tiêu bản tủy đồ: Bệnh đa u tủy xương         | Việt Nam |      |  |  | Việt Nam | 5 | Cái |  |  |
| 331 | Tiêu bản tủy đồ: Suy tủy                     | Việt Nam |      |  |  | Việt Nam | 5 | Cái |  |  |
| 332 | Tiêu bản tủy đồ: Bạch cầu cấp                | Việt Nam |      |  |  | Việt Nam | 5 | Cái |  |  |
| 333 | Tiêu bản tủy đồ: Leucemia kinh               | Việt Nam |      |  |  | Việt Nam | 5 | Cái |  |  |
| 334 | Tiêu bản tủy đồ: U lympho ác tính            | Việt Nam |      |  |  | Việt Nam | 5 | Cái |  |  |
| 335 | Tiêu bản tủy đồ: Thalassemia                 | Việt Nam |      |  |  | Việt Nam | 5 | Cái |  |  |
| 336 | Tiêu bản tủy đồ: Đa hồng cầu                 | Việt Nam |      |  |  | Việt Nam | 5 | Cái |  |  |
| 337 | Tiêu bản tủy đồ: Tăng tiểu cầu nguyên phát   | Việt Nam |      |  |  | Việt Nam | 5 | Cái |  |  |
| V   | <b>RĂNG HÀM MẶT DỤNG CỤ</b>                  |          |      |  |  |          |   |     |  |  |
| 338 | Bảng so màu Vita 3D                          | Đức      | Vita |  |  | Đức      | 1 | Cái |  |  |

|     |                                               |                                                                                     |              |       |            |    |     |  |  |
|-----|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------|------------|----|-----|--|--|
| 339 | Bình đun nước siêu tốc                        | Trung Quốc                                                                          | philips      |       | Trung Quốc | 1  | Cái |  |  |
| 340 | Bộ dụng cụ trám thẩm mỹ 6 chi tiết Titan      | Pakistan                                                                            | seamoon      |       | Pakistan   | 4  | bộ  |  |  |
| 341 | Bộ xử lý mặt chân răng Gracey curette         | Bộ 6 cây, Mỹ                                                                        | Hufriedy     |       | Mỹ         | 3  | Bộ  |  |  |
| 342 | Cây nạo túi universal                         | Hàn Quốc                                                                            | Osung        |       | Hàn Quốc   | 5  | Cây |  |  |
| 343 | Đầu cạo cao răng insert dưới nướu             | Mỹ                                                                                  | Dentsply     |       | Mỹ         | 2  | Cây |  |  |
| 344 | Đầu cạo cao răng insert trên nướu             | Mỹ                                                                                  | Dentsply     |       | Mỹ         | 2  | Cây |  |  |
| 345 | Hộp đựng mũi khoan                            | Việt Nam                                                                            | Việt Nam     |       | Việt Nam   | 3  | Hộp |  |  |
| 346 | Hộp đựng trám nội nha                         | Việt Nam                                                                            | Việt Nam     |       | Việt Nam   | 3  | Hộp |  |  |
| 347 | Súng bắn cao su lỏng chuyên dùng cho nha khoa | Trung Quốc                                                                          | DMG          |       | Trung Quốc | 1  | Cái |  |  |
| 348 | Thước đo song song cầu răng                   | Nhật Bản                                                                            | YDM          | 21122 | Nhật Bản   | 5  | Cái |  |  |
| 349 | Thuốc nội nha nhựa                            | Mỹ                                                                                  | Dentsply     |       | Mỹ         | 1  | Cây |  |  |
| VI  | <b>RĂNG HÀM MẶT VẬT TƯ TIÊU HAO</b>           |                                                                                     |              |       |            |    |     |  |  |
| 350 | AH 26                                         | Hộp (powder:8g, resin:10g),Đức                                                      | Dentsply,Đức |       | Đức        | 1  | Hộp |  |  |
| 351 | Alginate                                      | Gói (453g), Ý                                                                       | Zhermack, Ý  |       | Ý          | 17 | Gói |  |  |
| 352 | Bộ đánh bóng softflex                         | Bộ gồm: Đĩa đánh bóng Softflex (30 Cái), Trục lắp đĩa đánh bóng Softflex (3 cái)/Mỹ | 3M,Mỹ        |       | Mỹ         | 5  | Bộ  |  |  |

|     |                               |                         |                      |  |             |    |      |  |
|-----|-------------------------------|-------------------------|----------------------|--|-------------|----|------|--|
| 353 | Bông gòn                      | Gói (1kg)/ Việt Nam     | Bạch Tuyết, Việt Nam |  | Việt Nam    | 2  | Gói  |  |
| 354 | Bột Canxi hydroxit            | Hộp (10g), Ấn Độ        | Prevest, Ấn Độ       |  | Ấn Độ       | 1  | Hộp  |  |
| 355 | Bột nhựa tự cứng              | Gói (1kg), Anh/Hà Lan   |                      |  | Anh/Hà Lan  | 8  | Gói  |  |
| 356 | Cao su đặc (catalyst và base) | Hộp (500ml)             | Zhermack, ý          |  | Ý           | 2  | Hộp  |  |
| 357 | Cây lèn ngang                 | 6cây/vi., Việt Nam      | Mani, Việt Nam       |  | Việt Nam    | 5  | Ví   |  |
| 358 | Chất che nướu                 | Tuýp (2g)               | Prime dent, Mỹ       |  | Mỹ          | 2  | Tuýp |  |
| 359 | Chỉ co nướu                   | Hộp (254cm), Hàn Quốc   | Sure endo, Hàn Quốc  |  | Hàn Quốc    | 2  | Hộp  |  |
| 360 | Chỉ nha khoa                  | Cuộn (50m)              | Oral B, Trung Quốc   |  | Trung Quốc  | 2  | Cuộn |  |
| 361 | Chỉ nylon 3/0                 | Hộp (36 sợi)            | Bbraun, Tây Ban Nha  |  | Tây Ban Nha | 2  | Hộp  |  |
| 362 | Chỉ nylon 5/0                 | Hộp (36 sợi)            | Bbraun, Tây Ban Nha  |  | Tây Ban Nha | 2  | Hộp  |  |
| 363 | Cọ bôi bonding                | Hộp (100 cái), Việt Nam | TPC, Việt Nam        |  | Việt Nam    | 11 | Hộp  |  |
| 364 | Composite đặc màu A1          | Tuýp (4g)               | Vericom/ Hàn Quốc    |  | Hàn Quốc    | 2  | Tuýp |  |
| 365 | Composite đặc màu A2          | Tuýp (4g)               | Vericom/ Hàn Quốc    |  | Hàn Quốc    | 12 | Tuýp |  |
| 366 | Composite đặc màu A3          | Tuýp (4g)               | Vericom/ Hàn Quốc    |  | Hàn Quốc    | 12 | Tuýp |  |

|     |                                                 |                      |                   |  |          |    |      |  |  |
|-----|-------------------------------------------------|----------------------|-------------------|--|----------|----|------|--|--|
| 367 | Composite lòng màu A1                           | Tuýp (2g)            | Vericom/ Hàn Quốc |  | Hàn Quốc | 2  | Tuýp |  |  |
| 368 | Composite lòng màu A2                           | Tuýp (2g)            | Vericom/ Hàn Quốc |  | Hàn Quốc | 10 | Tuýp |  |  |
| 369 | Composite lòng màu A3                           | Tuýp (2g)            | Vericom/ Hàn Quốc |  | Hàn Quốc | 10 | Tuýp |  |  |
| 370 | Cone giấy 20/02                                 | Hộp (200 cái)        | Diadent, Hàn Quốc |  | Hàn Quốc | 1  | Hộp  |  |  |
| 371 | Cone giấy 30/02                                 | Hộp (200 cái)        | Diadent, Hàn Quốc |  | Hàn Quốc | 1  | Hộp  |  |  |
| 372 | Cone giấy 45/02                                 | Hộp (200 cái)        | Diadent, Hàn Quốc |  | Hàn Quốc | 1  | Hộp  |  |  |
| 373 | Cone giấy 50/02                                 | Hộp (200 cái)        | Diadent, Hàn Quốc |  | Hàn Quốc | 1  | Hộp  |  |  |
| 374 | Cone gutta percha 20/02                         | Hộp (120 cái)        | Diadent, Hàn Quốc |  | Hàn Quốc | 3  | Hộp  |  |  |
| 375 | Cone gutta percha 45/02                         | Hộp (120 cái)        | Diadent, Hàn Quốc |  | Hàn Quốc | 1  | Hộp  |  |  |
| 376 | Cone gutta percha 50/02                         | Hộp (120 cái)        | Diadent, Hàn Quốc |  | Hàn Quốc | 1  | Hộp  |  |  |
| 377 | Cone gutta percha F1                            | Hộp (60 cái), Brazil | Dentsply, Brazil  |  | Brazil   | 2  | Hộp  |  |  |
| 378 | Cone phụ A                                      | Hộp (120 cái)        | Diadent, Hàn Quốc |  | Hàn Quốc | 1  | Hộp  |  |  |
| 379 | Cone phụ C                                      | Hộp (120 cái)        | Diadent, Hàn Quốc |  | Hàn Quốc | 1  | Hộp  |  |  |
| 380 | Đai nhám kê                                     | Hộp (12 cái)         | Gc, Nhật          |  | Nhật     | 30 | Cái  |  |  |
| 381 | Đai trám kim loại bán phần Palodent V3 EZ 4.5mm | Hộp (50 cái)         | Dentsply, Mỹ      |  | Mỹ       | 1  | Hộp  |  |  |

|     |                                 |                         |                   |                   |  |    |      |  |  |
|-----|---------------------------------|-------------------------|-------------------|-------------------|--|----|------|--|--|
| 382 | Dầu tra tay khoan               | Bình (550ml)            | Đài Loan          | Đài Loan          |  | 2  | Bình |  |  |
| 383 | Dung dịch ngâm dụng cụ Anios    | Bình (1 lít)            | Anios, Pháp       | Anios, Pháp       |  | 2  | Bình |  |  |
| 384 | Dung dịch sát khuẩn tay nhanh   | Bình (500ml)            | Anios, Pháp       | Anios, Pháp       |  | 10 | Bình |  |  |
| 385 | EDTA bôi trơn ống tủy           | Tuýp (3ml)              | Dentsply, Mỹ      | Dentsply, Mỹ      |  | 4  | Tuýp |  |  |
| 386 | Etching                         | Tuýp (5ml), Hàn Quốc    | Vericom, Hàn Quốc | Vericom, Hàn Quốc |  | 10 | Tuýp |  |  |
| 387 | Găng tay phẫu thuật (size 6.5)  | Hộp (50 đôi), Việt Nam  | Vglove, Việt Nam  | Vglove, Việt Nam  |  | 1  | Hộp  |  |  |
| 388 | Găng tay phẫu thuật (size 7.0)  | Hộp (50 đôi), Việt Nam  | Vglove, Việt Nam  | Vglove, Việt Nam  |  | 2  | Hộp  |  |  |
| 389 | Găng tay phẫu thuật (size 7.5)  | Hộp (50 đôi), Việt Nam  | Vglove, Việt Nam  | Vglove, Việt Nam  |  | 1  | Hộp  |  |  |
| 390 | Găng tay rửa dụng cụ            | Việt Nam                |                   |                   |  | 2  | Đôi  |  |  |
| 391 | Găng tay y tế (size M)          | Hộp (50 đôi), Việt Nam  | Vglove, Việt Nam  | Vglove, Việt Nam  |  | 15 | Hộp  |  |  |
| 392 | Găng tay y tế (size S)          | Hộp (50 đôi), Việt Nam  | Vglove, Việt Nam  | Vglove, Việt Nam  |  | 20 | Hộp  |  |  |
| 393 | Giấy cán 2 mặt xanh đỏ          | Hộp (12 xấp), Đức       | Betch, Đức        | Betch, Đức        |  | 1  | Hộp  |  |  |
| 394 | Giấy cán xanh                   | 10 xấp/hộp, Đức         | Conlten           | Conlten           |  | 1  | hộp  |  |  |
| 395 | Giấy nhám P 1000                | Nhật Bản                | Kovax, Nhật Bản   | Kovax, Nhật Bản   |  | 4  | Tờ   |  |  |
| 396 | Giấy nhám P 800                 | Nhật Bản                | Kovax, Nhật Bản   | Kovax, Nhật Bản   |  | 4  | Tờ   |  |  |
| 397 | Gòn cuộn nha khoa               | Gói (750 cái)           | Trung Quốc        | Trung Quốc        |  | 1  | Gói  |  |  |
| 398 | Kim bơm rửa nội nha (lỗ mở bên) | Hộp (100 cái), Việt Nam | Endotop, Việt Nam | Endotop, Việt Nam |  | 1  | Hộp  |  |  |
| 399 | Kim gây tê nha khoa (27mm)      | Hộp (100 cái), Hàn Quốc | Spident, Hàn Quốc | Spident, Hàn Quốc |  | 1  | Hộp  |  |  |

|     |                                                                |                       |                   |  |            |    |     |  |  |
|-----|----------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------|--|------------|----|-----|--|--|
| 400 | Lentulo (25,30,35,40) chiều dài 21mm                           | Hộp (4 cây), Việt Nam | Mani, Việt Nam    |  | Việt Nam   | 5  | Hộp |  |  |
| 401 | Mặt nạ oxy                                                     | Grectmed, Trung Quốc  | Grectmed          |  | Trung Quốc | 10 | Cái |  |  |
| 402 | Mũi đánh bóng composite dùng tay khoan chậm                    | Hộp (30 mũi)          | Dentsply, Mỹ      |  | Mỹ         | 1  | Hộp |  |  |
| 403 | Mũi khoan carbide tungsten trụ                                 | Vĩ (5 mũi)            | Dentsply, Thụy Sĩ |  | Thụy sĩ    | 15 | Mũi |  |  |
| 404 | Mũi khoan kim cương đỏ nón trụ đầu bằng TF-12F                 | Vĩ (5 mũi), Việt Nam  | Mani, Việt Nam    |  | Việt Nam   | 10 | Mũi |  |  |
| 405 | Mũi khoan kim cương đỏ nón trụ đầu nhọn CD-53F, ISO 161/007    | Vĩ (5 mũi), Việt Nam  | Mani, Việt Nam    |  | Việt Nam   | 10 | Mũi |  |  |
| 406 | Mũi khoan kim cương đỏ nón trụ đầu nhọn TC-21F, ISO 160/014    | Vĩ (5 mũi) Việt Nam   | Mani, Việt Nam    |  | Việt Nam   | 10 | Mũi |  |  |
| 407 | Mũi khoan kim cương vàng ngọn lửa FO-30EF, ISO 257/018         | Vĩ (5 mũi), Việt Nam  | Mani, Việt Nam    |  | Việt Nam   | 10 | Mũi |  |  |
| 408 | Mũi khoan kim cương xanh dương nón cụt SI-47, ISO 010/105      | Vĩ (5 mũi), Việt Nam  | Mani, Việt Nam    |  | Việt Nam   | 20 | Mũi |  |  |
| 409 | Mũi khoan kim cương xanh dương tròn BR-31, ISO 001/018         | Vĩ (5 mũi), Việt Nam  | Mani, Việt Nam    |  | Việt Nam   | 10 | Mũi |  |  |
| 410 | Mũi khoan kim cương xanh dương tròn BR-41, ISO 001/014         | Vĩ (5 mũi), Việt Nam  | Mani, Việt Nam    |  | Việt Nam   | 10 | Mũi |  |  |
| 411 | Mũi khoan kim cương xanh dương tròn BR-46, ISO 001/012         | Vĩ (5 mũi), Việt Nam  | Mani, Việt Nam    |  | Việt Nam   | 10 | Mũi |  |  |
| 412 | Mũi khoan kim cương xanh dương trụ đầu bằng SF-41, ISO 109/010 | Vĩ (5 mũi), Việt Nam  | Mani, Việt Nam    |  | Việt Nam   | 10 | Mũi |  |  |
| 413 | Mũi khoan kim cương xanh lá nón trụ đầu nhọn TC-11C            | Vĩ (5 mũi), Việt Nam  | Mani, Việt Nam    |  | Việt Nam   | 10 | Mũi |  |  |

|     |                                              |                         |  |                        |        |            |    |      |  |  |
|-----|----------------------------------------------|-------------------------|--|------------------------|--------|------------|----|------|--|--|
| 414 | Mũi mài nhựa (mã đỏ)                         | 10 mũi/hộp, Trung Quốc  |  |                        |        | Trung Quốc | 10 | Mũi  |  |  |
| 415 | Nước nhựa tự cứng                            | Anh/Hà Lan              |  |                        |        | Anh/Hà Lan | 8  | Lít  |  |  |
| 416 | Oxy già                                      | Chai 60ml, Việt Nam     |  | Việt Nam               |        | Việt Nam   | 2  | Chai |  |  |
| 417 | Que dè lưới                                  | Hộp (100 cái), Việt Nam |  | Việt Nam               |        | Việt Nam   | 11 | Hộp  |  |  |
| 418 | Răng giả tháo lắp màu A3                     | Bộ (28 răng), Nhật      |  | Newace,Nhật            |        | Nhật Bản   | 2  | Bộ   |  |  |
| 419 | Ruột bút chì 2b 2.0mm                        | Việt Nam                |  | Thiên<br>Long/Việt Nam |        | Việt Nam   | 1  | Hộp  |  |  |
| 420 | Săng mỗ vải tiệt trùng có lỗ<br>50x50cm      | Việt Nam                |  |                        |        | Việt Nam   | 10 | Cái  |  |  |
| 421 | Săng mỗ vải tiệt trùng không lỗ<br>75cmx75cm | Việt Nam                |  |                        |        | Việt Nam   | 10 | Cái  |  |  |
| 422 | Sáp cây                                      | Hộp (10 cây), Việt Nam  |  | Việt Nam               |        | Việt Nam   | 12 | Hộp  |  |  |
| 423 | Sáp vành khít Paton de ker                   | Hộp (15 cây), Nhật      |  | Gc,Nhật                |        | Nhật       | 3  | Hộp  |  |  |
| 424 | Sealant trám bít hố răng                     | Tuýp (1.2ml)            |  | 3M,Mỹ                  |        | Mỹ         | 3  | Tuýp |  |  |
| 425 | Sò đánh bóng răng                            | Hộp (200 cái)           |  | HenrySchein,Mỹ         |        | Mỹ         | 1  | Hộp  |  |  |
| 426 | Thạch cao trắng                              | Gói (1kg), Thái Lan     |  | Planet,Thái Lan        | PLANET | Thái Lan   | 50 | Gói  |  |  |
| 427 | Trám nội nha Hfile (15-40) chiều dài 21mm    | Hộp (6 cây), Việt Nam   |  | Mani, Việt Nam         |        | Việt Nam   | 2  | Hộp  |  |  |
| 428 | Trám nội nha Hfile (15-40) chiều dài 25mm    | Hộp (6 cây), Việt Nam   |  | Mani, Việt Nam         |        | Việt Nam   | 2  | Hộp  |  |  |
| 429 | Trám nội nha Hfile (15-40) chiều dài 28mm    | Hộp (6 cây), Việt Nam   |  | Mani, Việt Nam         |        | Việt Nam   | 1  | Hộp  |  |  |

|            |                                            |                                |                      |  |            |     |      |  |  |
|------------|--------------------------------------------|--------------------------------|----------------------|--|------------|-----|------|--|--|
| 430        | Trâm nội nha Kfile (15-40) chiều dài 21mm  | Hộp (6 cây), Việt Nam          | Mani, Việt Nam       |  | Việt Nam   | 2   | Hộp  |  |  |
| 431        | Trâm nội nha Kfile (15-40) chiều dài 25mm  | Hộp (6 cây), Việt Nam          | Mani, Việt Nam       |  | Việt Nam   | 2   | Hộp  |  |  |
| 432        | Trâm nội nha Kfile (15-40) chiều dài 28mm  | Hộp (6 cây), Việt Nam          | Mani, Việt Nam       |  | Việt Nam   | 1   | Hộp  |  |  |
| 433        | Trâm nội nha Kfile (45-80) chiều dài 21mm  | Hộp (6 cây), Việt Nam          | Mani, Việt Nam       |  | Việt Nam   | 1   | Hộp  |  |  |
| 434        | Trâm nội nha Kfile (45-80) chiều dài 25mm  | Hộp (6 cây), Việt Nam          | Mani, Việt Nam       |  | Việt Nam   | 1   | Hộp  |  |  |
| 435        | Trâm nội nha máy Protaper                  | Vi (6 cây), Việt Nam           | Dentsply, Thụy Sĩ    |  | Thụy Sĩ    | 3   | Vi   |  |  |
| 436        | Trâm nội nha Reamer (15-40) chiều dài 21mm | Hộp (6 cây), Việt Nam          | Mani, Việt Nam       |  | Việt Nam   | 3   | Hộp  |  |  |
| 437        | Trâm nội nha Reamer (15-40) chiều dài 25mm | Hộp (6 cây), Việt Nam          | Mani, Việt Nam       |  | Việt Nam   | 3   | Hộp  |  |  |
| 438        | Trâm nội nha Reamer (15-40) chiều dài 28mm | Hộp (6 cây), Việt Nam          | Mani, Việt Nam       |  | Việt Nam   | 1   | Hộp  |  |  |
| 439        | Trâm Protaper tay                          | Hộp (6 cây)                    | Dentsply, Thụy Sĩ    |  | Thụy Sĩ    | 2   | Hộp  |  |  |
| 440        | Vaselin                                    | Lọ (20g), Việt Nam             | Thiên Ngân, Việt Nam |  | Việt Nam   | 13  | Lọ   |  |  |
| 441        | Vecni Fluor                                | Tuýp (0.3ml)                   | Centrix, Mỹ          |  | Mỹ         | 300 | Tuýp |  |  |
| <b>VII</b> | <b>TỔNG HỢP DỤNG CỤ</b>                    |                                |                      |  |            |     |      |  |  |
| 442        | Bếp hồng ngoại                             | Bếp hồng ngoại đơn, Trung Quốc |                      |  | Trung Quốc | 2   | Cái  |  |  |

|     |                                |                                                                                  |  |          |            |   |     |  |
|-----|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--|----------|------------|---|-----|--|
| 443 | Cân thực phẩm                  | Trung Quốc                                                                       |  | FEH5000  | Trung Quốc | 3 | Cái |  |
| 444 | Nồi cơm điện                   | Tefal 0.7 lít, Trung Quốc                                                        |  | RK224168 | Trung Quốc | 2 | Cái |  |
| 445 | Bàn ủi Philip                  | Bàn ủi khô Philips, Trung Quốc                                                   |  |          | Trung Quốc | 1 | Cái |  |
| 446 | Tủ loker 12 vị trí             | Việt Nam                                                                         |  | TU984-3K | Việt Nam   | 8 | Cái |  |
| 447 | Kệ dép loại lớn                | Việt Nam                                                                         |  |          | Việt Nam   | 8 | Cái |  |
| 448 | Cân tiểu li                    | Trung Quốc                                                                       |  | FEH5000  | Trung Quốc | 1 | Cái |  |
| 449 | Mô hình hàm răng nhựa giả      | Trung Quốc                                                                       |  |          | Trung Quốc | 5 | Cái |  |
| 450 | Máy đo dư lượng Nitrat         | Soeks NUC 019-01                                                                 |  |          | Nga        | 1 | Cái |  |
|     |                                | <i>Model: Soeks NUC 019-01</i>                                                   |  |          |            |   |     |  |
|     |                                | Hãng sản xuất: Soeks                                                             |  |          |            |   |     |  |
|     |                                | <i>Nhãn hiệu: Soeks</i>                                                          |  |          |            |   |     |  |
|     |                                | Xuất xứ: Nga                                                                     |  |          |            |   |     |  |
|     |                                | <b>Cấu hình cung cấp:</b>                                                        |  |          |            |   |     |  |
|     |                                | - Máy chính: 01 cái                                                              |  |          |            |   |     |  |
|     |                                | - Pin AAA: 2 cái                                                                 |  |          |            |   |     |  |
|     |                                | - Hướng dẫn sử dụng                                                              |  |          |            |   |     |  |
|     |                                | <b>Thông số kỹ thuật:</b>                                                        |  |          |            |   |     |  |
|     |                                | Thiết bị này được thiết kế để đo hàm lượng nitrat trong rau củ quả tươi, thịt cá |  |          |            |   |     |  |
|     |                                | - Nguồn năng lượng sử dụng: pin AAA                                              |  |          |            |   |     |  |
|     |                                | - Màn hình hiển thị màu                                                          |  |          |            |   |     |  |
| 451 | Máy đo lực cầm tay kỹ thuật số | Camry EH-101                                                                     |  |          | Trung Quốc | 3 | Cái |  |

[illegible]



|     |                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                  |                  |   |     |  |  |  |  |
|-----|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|---|-----|--|--|--|--|
| 453 | Máy đo vi khí hậu | <p>- Dải đo cường độ sáng:<br/>20, 200, 2000, 20000,<br/>(2000 x 10 Lux)</p> <p>- Dải đo độ ẩm: 35%-<br/>95%RH</p> <p>Kích thước(HxWxD):<br/>251mm x 63.8mm x 40mm</p> <p>Trọng lượng: 250 g</p> <p>LM 8000A</p> <p><i>Model: LM 8000A</i></p> <p>Hãng sản xuất: Lutron</p> <p><i>Nhãn hiệu: Lutron</i></p> <p>Xuất xứ: Đài Loan</p> <p><b>Cấu hình cung cấp:</b></p> <p>- Máy chính: 01 cái</p> <p>- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ</p> <p><b>Thông số kỹ thuật:</b></p> <p>Chế độ đo tốc độ gió:</p> <p>- m/s: 0.4-30.0m/s, độ phân giải 0.1m/s</p> <p>- km/h: 1.4 – 108.0 km/h, độ phân giải 0.1 km/h</p> <p>- m/h (miles/h): 0.9 – 67.0 m/h, độ phân giải 0.1 mile/h</p> <p>- 1/r/min (rev/min): 80 – 5910 ft/min, độ phân giải 1 ft/min</p> | Lutron/ Đài Loan | Lutron/ Đài Loan | 3 | Cái |  |  |  |  |
|-----|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|---|-----|--|--|--|--|



|  |  |                                                                                             |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  | - knots: 0.8 – 58.3 knots, độ phân giải 0.1 knots                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | - Độ sai số: $\leq 20\text{m/s}$ ; $\pm 3\%$ FS; $> 20\text{m/s}$ : $\pm 4\%$ FS            |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Chế độ đo độ ẩm                                                                             |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | - Từ 10-95%RH, độ phân giải 0,1% RH                                                         |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | - Độ sai số: $< 70\%$ RH: $\pm 4\%$ RH; $> 70\%$ RH: $\pm (4\text{rdg} + 1.2\% \text{ RH})$ |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Đo ánh sáng:                                                                                |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | - Lux: 0-2000 Lux, độ phân giải 1 Lux                                                       |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | - Lux: 1800- 20.000 Lux, độ phân giải 10 Lux                                                |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | - Fc: 0-1860fc, độ phân giải 1 Fc                                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | - Độ sai số: $\pm 5\%$ rdg + 8dg                                                            |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Đo nhiệt độ:                                                                                |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | - Phạm vi đo: Từ -100 đến 1300oC, Từ -148 đến 2372oF                                        |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | - Độ phân giải: 0.1oC/0.1oF                                                                 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | - Độ sai số: $\pm (1\% + 1\text{oC})$ , $\pm (1\% + 2\text{oF})$                            |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Kt: 156x60x33mm                                                                             |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Trọng lượng: 160g                                                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |



|     |                                                                                                            |                                              |                           |                               |   |     |  |  |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------|---|-----|--|--|
| 455 | Máy cạo râu siêu âm (Máy siêu âm điện từ. Phụ kiện đi kèm với mũi cạo cao răng trên nước và dưới nước )    | UDS-J                                        | Woodpecker/<br>Trung Quốc | Woodpecker<br>/ Trung<br>Quốc | 1 | Cái |  |  |
|     |                                                                                                            | <i>Model: UDS-J</i>                          |                           |                               |   |     |  |  |
|     |                                                                                                            | Hãng sản xuất: Woodpecker                    |                           |                               |   |     |  |  |
|     |                                                                                                            | <i>Nhãn hiệu: Woodpecker</i>                 |                           |                               |   |     |  |  |
|     |                                                                                                            | Xuất xứ: Trung Quốc                          |                           |                               |   |     |  |  |
|     |                                                                                                            | <b>Cấu hình cung cấp:</b>                    |                           |                               |   |     |  |  |
|     |                                                                                                            | - Máy chính: 01 cái                          |                           |                               |   |     |  |  |
|     |                                                                                                            | - Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ          |                           |                               |   |     |  |  |
|     |                                                                                                            | <b>Thông số kỹ thuật:</b>                    |                           |                               |   |     |  |  |
|     |                                                                                                            | - Áp lực nước: 0.1bar-5bar (0.01MPa- 0.5Mpa) |                           |                               |   |     |  |  |
|     |                                                                                                            | - Nguồn điện vào: 220V ~ 50Hz                |                           |                               |   |     |  |  |
|     |                                                                                                            | - Tần số rung: 30kHz±3kHz                    |                           |                               |   |     |  |  |
|     |                                                                                                            | - Công suất đầu ra: 38VA                     |                           |                               |   |     |  |  |
| 456 | Máy cạo râu siêu âm gắn tích hợp vào ghế nha (Phụ kiện đi kèm với mũi cạo cao răng trên nước và dưới nước) | UDS-N2                                       | Woodpecker/<br>Trung Quốc | Woodpecker<br>/ Trung<br>Quốc | 4 | Cái |  |  |
|     |                                                                                                            | <i>Model: UDS-N2</i>                         |                           |                               |   |     |  |  |
|     |                                                                                                            | Hãng sản xuất: Woodpecker                    |                           |                               |   |     |  |  |
|     |                                                                                                            | <i>Nhãn hiệu: Woodpecker</i>                 |                           |                               |   |     |  |  |
|     |                                                                                                            | Xuất xứ: Trung Quốc                          |                           |                               |   |     |  |  |
|     |                                                                                                            | <b>Cấu hình cung cấp:</b>                    |                           |                               |   |     |  |  |
|     |                                                                                                            | - Máy chính: 01 cái                          |                           |                               |   |     |  |  |



|     |               |                                                                                                                                        |                                                        |  |          |   |     |  |  |
|-----|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--|----------|---|-----|--|--|
| 458 | Kệ để mô hình | 5 tầng<br>- Các đợt cổ định và thanh trụ bằng thép hộp<br>- Không để quá tải 30kg/đợt<br>KT: W3600 x D660 x H2000 mm<br>- Model: GS2K2 | Công ty cổ phần thương mại & sản xuất nội thất The One |  | Việt Nam | 3 | Cải |  |  |
|-----|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--|----------|---|-----|--|--|

2. Bảo giá này có hiệu lực trong vòng:....ngày, kể từ ngày tháng
3. Chúng tôi cam kết:
 
  - Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
  - Những thông tin nêu trên trong báo giá là trung thực.

ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ CUNG CẤP